

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 325/QĐ-CĐCĐHN ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội)

Tên ngành, nghề:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành, nghề:	6340202
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ cao đẳng ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính quốc tế và tài chính của các doanh nghiệp;

Nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường;

Có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

1.2.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng;

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế, tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô;

Có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp: Không ngừng nghiên cứu, học hỏi nâng cao, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và các quy trình nghiệp vụ tài chính – ngân hàng. Nắm rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ phận trong nội bộ và trong toàn hệ thống. Đảm bảo sự minh bạch và thông suốt thông tin, không lợi dụng vị trí để tư lợi.

Chấp hành pháp luật Nhà nước;

Có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo;

Có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng có thể làm việc tại các tổ chức sau:

Các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, các tổ chức tín dụng như: các công ty tài chính vi mô, các hợp tác xã tín dụng, các quỹ tín dụng nhân dân,...

Các tổ chức tài chính phi ngân hàng như: chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ đầu tư,...

Các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính như: thuế, kho bạc, hải quan, tài chính các cấp, ...

Các doanh nghiệp với vai trò chuyên viên tài chính, đầu tư.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **45** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **119** tín chỉ (**2.508** giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **30** tín chỉ (**660** giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **89** tín chỉ (**1.845** giờ)
- Khối lượng lý thuyết: **931** giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập: **1.475** giờ;
- Kiểm tra: **99** giờ

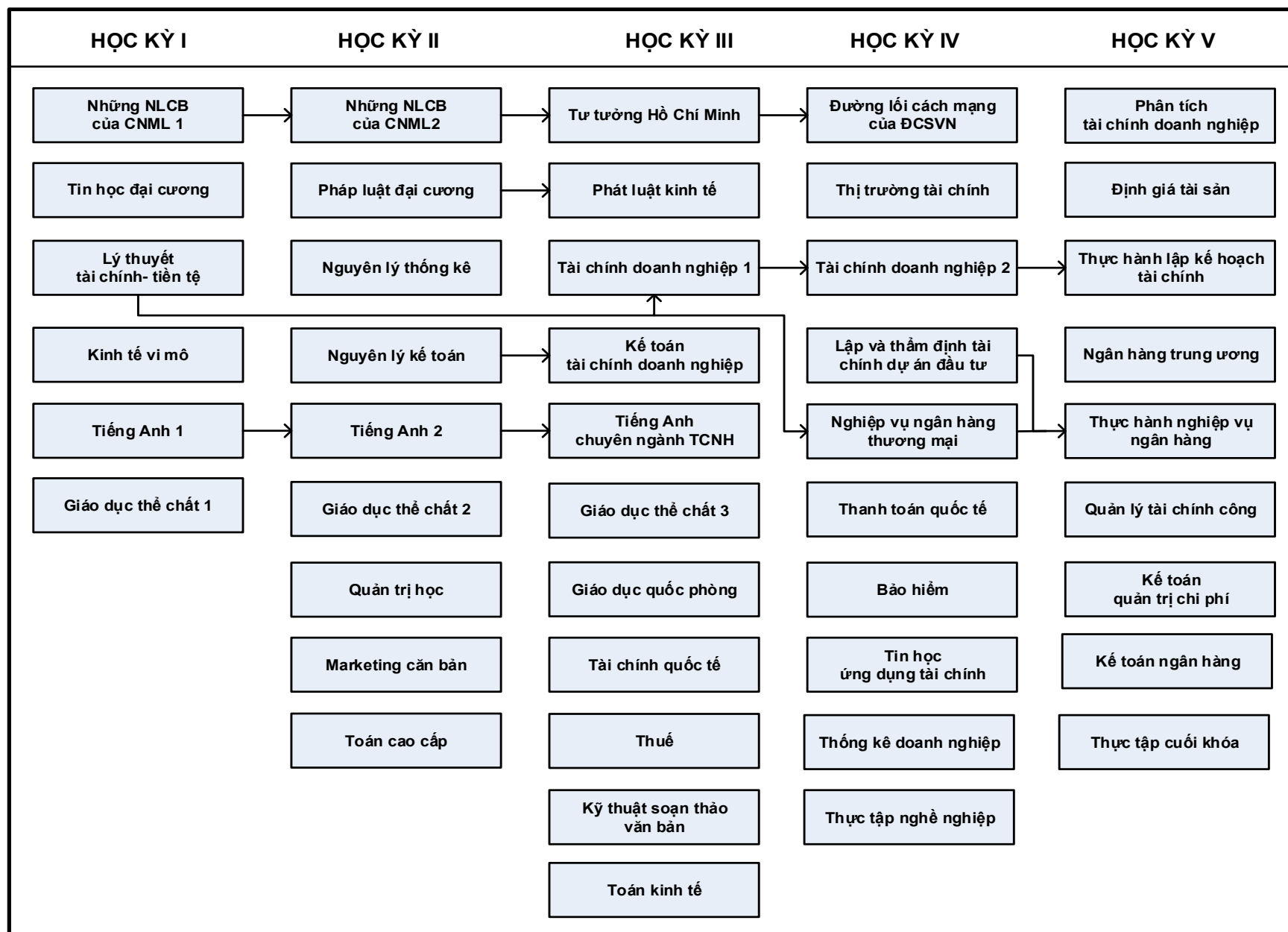
3. Nội dung chương trình

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL			
			TL, BT		TH, TN,TT			
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	30	660	212	104	323	21	
MH.01	Những NLCB của CNML1	2	30	20	9		1	
MH.02	Những NLCB của CNML2	3	45	32	12		1	MH.01
MH.03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	20	9		1	MH.02
MH.04	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	33	11		1	MH.03
MH.05	Tiếng Anh 1	3	60	14	16	27	3	
MH.06	Tiếng Anh 2	3	60	12	16	30	2	MH.05
MH.07	Toán cao cấp	3	45	22	22		1	
MH.08	Tin học đại cương	3	60	30		28	2	
MH.09	Pháp luật đại cương	2	30	20	9		1	
MH.10	Giáo dục thể chất 1	1	30	3		24	3	
MH.11	Giáo dục thể chất 2	1	30	3		25	2	
MH.12	Giáo dục thể chất 3	1	30	3		24	3	
MH.13	Giáo dục quốc phòng	3	165			165		
II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	89	1 845	719	236	812	78	
II.1	Môn học cơ sở	17	255	166	74	0	15	
MH.14	Kinh tế vi mô	3	45	29	14		2	

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIỀN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL			
			TL, BT		TH, TN,TT			
MH.15	Pháp luật kinh tế	2	30	20	9		1	MH.09
MH.16	Nguyên lý thống kê	2	30	21	8		1	
MH.17	Quản trị học	2	30	21	8		1	
MH.18	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	30	9		6	
MH.19	Nguyên lý kế toán	3	45	27	16		2	
MH.20	Marketing căn bản	2	30	18	10		2	
II.2	Môn học chuyên môn	72	1590	553	162	812	63	
MH.21	Thuế	2	30	21	7		2	
MH.22	Kế toán tài chính doanh nghiệp	4	75	42	3	27	3	MH.19
MH.23	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45	33	9		3	MH.18
MH.24	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	6	9	28	2	MH.06
MH.25	Thị trường tài chính	4	75	36	9	28	2	
MH.26	Tài chính quốc tế	2	30	21	7		2	
MH..27	Thanh toán quốc tế	2	30	15	13		2	
MH.28	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45	33	8		4	MH.23
MH.29	Bảo hiểm	3	45	33	9		3	
MH.30	Tin học ứng dụng tài chính	2	45	15		27	3	
MH.31	Định giá tài sản	3	45	33	7		5	

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIỀN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL			
			TL, BT		TH, TN,TT			
MH.32	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	33	10		2	
MH.33	Lập và thẩm định tài chính dự án đầu tư	3	45	33	6		6	
MH.34	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	33	7		5	MH.18
MH.35	Thực hành lập kế hoạch tài chính	2	60			56	4	MH.28
MH.36	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	2	60	9		45	6	MH.33, MH.34
MH.37	Thực tập cuối khóa	10	450			450		
MH.38	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	13		16	1	
MH.39	Ngân hàng trung ương	2	30	24	5		1	
MH.40	Quản lý tài chính công	2	30	24	5		1	
MH.41	Thống kê doanh nghiệp	2	30	18	11		1	
MH.42	Kế toán ngân hàng	2	30	18	10		2	
MH.43	Toán kinh tế	3	45	30	14		1	
MH.44	Kế toán quản trị chi phí	3	45	30	13		2	
MH.45	Thực tập nghề nghiệp	3	135			135		
	Tổng cộng	119	2 505	931	340	1 135	99	

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo



5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo được chia làm 5 học kỳ

+ Học kỳ 1 và học kỳ 2: các môn học chung và môn học cơ sở.

+ Học kỳ 3 và học kỳ 4: các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn và môn học tự chọn.

+ Học kỳ 5: các môn học chuyên môn, môn học tự chọn và thực tập cuối khóa.

Cụ thể dự kiến phần học kỳ như sau:

+ HỌC KỲ I

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML1	2	30	
2	Tiếng Anh 1	3	60	
3	Tin học đại cương	3	60	
4	Giáo dục thể chất 1	1	30	
5	Kinh tế vi mô	3	45	
6	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	
	TỔNG	15	270	

+ HỌC KỲ II

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML2	3	45	
2	Tiếng Anh 2	3	60	
3	Toán cao cấp	3	45	
4	Pháp luật đại cương	2	30	
5	Giáo dục thể chất 2	1	30	
6	Nguyên lý thống kê	2	30	
7	Quản trị học	2	30	
8	Nguyên lý kế toán	3	45	
9	Marketing căn bản	2	30	
	TỔNG	21	345	

+ HỌC KỲ III

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
2	Giáo dục thể chất 3	1	30	
3	Giáo dục quốc phòng	3	165	
4	Pháp luật kinh tế	2	30	
5	Thuế	2	30	
6	Kế toán tài chính doanh nghiệp	4	75	
7	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45	
8	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	
9	Tài chính quốc tế	2	30	
10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	
11	Toán kinh tế	3	45	
	TỔNG	26	555	

+ HỌC KỲ IV

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	
2	Thị trường tài chính	4	75	
3	Thanh toán quốc tế	2	30	
4	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45	
5	Bảo hiểm	3	45	
6	Tin học ứng dụng tài chính	2	45	
7	Lập và thẩm định tài chính dự án đầu tư	3	45	
8	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	
9	Thống kê doanh nghiệp	2	30	
10	Thực tập nghề nghiệp	3	135	
	TỔNG	28	540	

+ HỌC KỲ V

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Định giá tài sản	3	45	
2	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
3	Thực hành lập kế hoạch tài chính	2	60	
4	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	2	60	
5	Ngân hàng trung ương	2	30	
6	Kế toán ngân hàng	2	30	
7	Quản lý tài chính công	2	30	
8	Kế toán quản trị chi phí	3	45	
9	Thực tập cuối khóa	10	450	
	TỔNG	29	795	

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Kế toán của trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội có thời gian đào tạo 2.5 năm theo học chế tín chỉ với đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Chương trình được thiết kế theo kiểu song ngành và thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Lao động- Thương binh- Xã hội đối với khối ngành Kế toán- Kiểm toán.

6.1. Môn học, mô đun là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn môn học, mô đun có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học, mô đun phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng môn học, mô đun phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

6.2. Có hai loại môn học, mô đun: môn học, mô đun bắt buộc và môn học, mô đun tự chọn.

Chương trình chi tiết các môn học, mô đun phải phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành, thảo luận, thí nghiệm và phần thực tập.

Chương trình môn học, mô đun phải được thông qua tổ bộ môn, khoa, phòng đào tạo và Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

6.2.1. Môn học, mô đun bắt buộc là môn học, mô đun chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

6.2.2. Môn học, mô đun tự chọn là môn học, mô đun chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số môn học, mô đun quy định cho mỗi chương trình.

6.3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình;

Đối với những môn học, mô đun lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

6.4. Một tiết học được tính bằng:

- Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.
- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.
- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

6.5. Kết quả của các môn học, mô đun Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất không tính vào điểm tổng kết học tập năm học của sinh viên. Sinh viên tham gia học tập đầy đủ, kiểm tra và thi đạt yêu cầu sẽ được cấp chứng chỉ môn học.

6.6. Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học, mô đun môn học phải thoả mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Phúc Đức